

Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 25 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** **Chị Trần Thị L**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn Tr**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn K, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 19/7/2016 cho đến khi cháu Nguyễn Nhật A thành niên.

Anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Nhật A được sống chung với chị Trần Thị L, anh Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Trần Thị L và các thành viên trong gia đình không

được cản trở anh Nguyễn Văn Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr thống nhất để chị Trần Thị L nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002175 ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, chị L còn được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM DIỆU OANH

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).